

Số: 04 /2018/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 09 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Phú Thọ đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính Phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;

Căn cứ Quyết định số 99/2008/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Thọ đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 42/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2015 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quy hoạch tài nguyên nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 949/TTr-TNMT ngày 28 tháng 12 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Phú Thọ đến năm 2030 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm quy hoạch

- Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Phú Thọ tầm nhìn đến năm 2030 phải phù hợp với chiến lược quốc gia về tài nguyên nước; quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Phú Thọ và các quy hoạch ngành, lĩnh vực của tỉnh, quy hoạch các huyện, thị xã, thành phố....

- Quy hoạch đảm bảo không chông chéo giữa các quy hoạch với nhau, đồng thời đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên và các tài nguyên thiên nhiên khác để phát triển bền vững, bảo vệ tài nguyên nước, chủ động phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

- Đảm bảo tính toàn diện giữa nước mặt và nước ngầm, giữa việc khai thác, bảo vệ tài nguyên nước và phòng chống và khắc phục hậu quả do nước gây ra và đảm bảo khai thác sử dụng nước tiết kiệm hiệu quả, tổng hợp, đa mục tiêu trên cơ sở khai thác tối ưu các nguồn lực.

- Bảo vệ tài nguyên nước phải gắn kết với phân bổ nguồn nước và có chú ý đến các quy hoạch của các ngành khai thác, sử dụng nước. Bảo vệ tài nguyên

nước phải lấy phòng ngừa là chính; phải bảo vệ được nguồn sinh thủy, chất lượng nước, hệ sinh thái thủy sinh, góp phần bảo tồn giá trị văn hóa và cảnh quan thiên nhiên trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

2. Mục tiêu

a. Mục tiêu tổng quát

- Nâng cao hiệu quả quản lý khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên nước và bảo vệ tài nguyên nước theo hướng phát triển bền vững. Phòng ngừa, giảm thiểu tình trạng ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn tài nguyên nước. Bảo vệ các hệ sinh thái phụ thuộc vào nguồn nước, các chức năng quan trọng của nguồn nước. Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra nhằm đảm bảo an ninh lâu dài về tài nguyên nước góp phần thúc đẩy, hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội tỉnh Phú Thọ.

- Quản lý nhu cầu nước cho dân sinh, tăng cường hiệu quả khai thác sử dụng tài nguyên nước nhằm phát triển bền vững tài nguyên nước. Ngăn chặn và khắc phục có hiệu quả tình trạng suy thoái số lượng và chất lượng tài nguyên nước của các nguồn nước trên địa bàn tỉnh cũng như trên các hệ thống sông.

- Làm cơ sở cho quản lý nhà nước, quyết định trong thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch chuyên ngành, các dự án hỗ trợ, đầu tư có liên quan.

b. Các mục tiêu cụ thể

- Phân bổ nguồn nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước trong kỳ quy hoạch bảo đảm:

+ Đến năm 2020: Đảm bảo nguồn cấp nước sinh hoạt là 51,56 triệu m³/năm; du lịch và dịch vụ là 20,15 triệu m³/năm; công nghiệp là 17,90 triệu m³/năm; nông, lâm, thủy sản là 395,39 triệu m³/năm.

+ Đến năm 2030: Đảm bảo nguồn cấp nước sinh hoạt là 63,58 triệu m³/năm; du lịch và dịch vụ là 24,71 triệu m³/năm; công nghiệp là 53,62 triệu m³/năm; nông, lâm, thủy sản là 384,34 triệu m³/năm.

- Phân bổ nguồn nước cho các huyện, thị xã, thành phố trong kỳ quy hoạch bảo đảm:

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Năm 2020 (triệu m³/năm)	Năm 2030 (triệu m³/năm)
1	Thành phố Việt Trì	33,74	38,17
2	Thị Xã Phú Thọ	16,67	21,83
3	Huyện Đoan Hùng	42,10	41,96
4	Huyện Hạ Hòa	50,52	56,66
5	Huyện Thanh Ba	40,84	42,81
6	Huyện Phù Ninh	29,31	31,04
7	Huyện Yên Lập	36,41	38,30
8	Huyện Cẩm Khê	60,60	66,96
9	Huyện Tam Nông	36,00	44,16
10	Huyện Lâm Thao	36,85	38,03
11	Huyện Thanh Sơn	40,34	41,85
12	Huyện Thanh Thủy	33,19	34,22
13	Huyện Tân Sơn	28,91	30,25

3. Nội dung chính của quy hoạch

a. Phân bổ nguồn nước

- Ưu tiên phân bổ nguồn nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước theo thứ tự: (1) nhu cầu nước cho sinh hoạt; (2) nhu cầu nước cho du lịch, dịch vụ; (3) nhu cầu nước cho công nghiệp; (4) nhu cầu nước cho nông, lâm, thủy sản.

- Phân bổ nguồn nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng: trong trường hợp bình thường phân bổ bảo đảm 100% nhu cầu cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước phục vụ sinh hoạt, du lịch, dịch vụ, công nghiệp và nông, lâm, thủy sản. Trong trường hợp hạn hán, thiếu nước lượng nước phân bổ cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước xác định theo thứ tự ưu tiên và lượng nước thiếu.

- Thực hiện giám sát tài nguyên nước mặt, tài nguyên nước dưới đất; giám sát chất lượng nước, xả nước thải vào nguồn nước.

b. Bảo vệ tài nguyên nước

- Bảo vệ chất lượng nước mặt: xác định ngưỡng giới hạn về lượng, nồng độ chất ô nhiễm tại nguồn thải và nguồn tiếp nhận nước thải của các sông, suối nhằm đáp ứng mục đích sử dụng nước và quy định yêu cầu chất lượng nước thải sinh hoạt của các khu dân cư tập trung, nước thải của các khu công nghiệp, nước thải y tế phải xử lý đạt tiêu chuẩn.

- Phòng ngừa cạn kiệt suy thoái nguồn nước dưới đất: xác định chỉ số hạ thấp mực nước, ngưỡng giới hạn khai thác của nước dưới đất tại các khu vực có nguy cơ cạn kiệt. Kiểm soát hoạt động khai thác nước khoáng nóng Thanh Thủy, đảm bảo 100% các công ty khai thác nước khoáng phải có giấy phép, các hộ gia đình khai thác phải đăng ký khai thác nước với chính quyền địa phương.

c. Phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

- Phòng chống tác hại do lũ tại các khu vực có nguy cơ lũ quét cao ở các xã, huyện vùng cao thuộc huyện Thanh Sơn, Tân Sơn, Yên Lập và một số khu vực như huyện Hạ Hòa, Cẩm Khê.

- Phòng chống tác hại do hạn hán cho các khu vực có nguy cơ cao bị hạn hán tại Đoan Hùng, Thanh Sơn, Thanh Thủy, Hạ Hòa, Thanh Ba, Yên Lập...

- Phòng chống và khắc phục sụt lún đất cho các khu vực có nguy cơ cao xảy ra sụt lún tại các xã Ninh Dân, Đồng Xuân, Yên Nội, Chí Tiên và thị trấn Thanh Ba thuộc huyện Thanh Ba.

4. Giải pháp thực hiện quy hoạch

a. Giải pháp về cơ chế, chính sách

Rà soát và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực tài nguyên nước. Xây dựng văn bản quy định về giá nước, quy định chế độ thưởng, phạt trong quản lý, khai thác và bảo vệ nguồn nước. Đẩy mạnh công tác cấp phép hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước theo đúng quy định của pháp luật.

b. Giải pháp về cơ cấu tổ chức, quản lý điều hành

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý: Xây dựng bộ máy quản lý tài nguyên nước đồng bộ, hợp lý, đủ năng lực quản lý, chỉ đạo và thực hiện công tác quản lý Nhà nước về tài nguyên nước.

- Phát triển nguồn nhân lực, ứng dụng khoa học, công nghệ: Xây dựng chương trình, kế hoạch đầu tư trang thiết bị kỹ thuật để phục vụ công tác quản lý nhà nước về tài nguyên nước.

- Thanh tra, kiểm tra về khai thác, sử dụng tài nguyên nước: Tăng cường thanh tra, kiểm tra về tài nguyên nước. Thông tin về kết quả thanh tra, kiểm tra và tình hình ô nhiễm trên các nguồn nước cũng như tình hình tuân thủ pháp luật của các cơ sở sản xuất, kinh doanh.

c. Giải pháp về đầu tư và huy động nguồn lực

Tăng cường đầu tư cho công tác quản lý tài nguyên nước, các chương trình, dự án ưu tiên trong giai đoạn quy hoạch; Huy động vốn từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, huy động nguồn vốn xã hội hóa dưới nhiều hình thức khác nhau. Các hình thức đầu tư hợp tác công - tư hoặc lồng ghép với các chương trình, dự án của Trung ương, tổ chức quốc tế, quy hoạch ngành, lĩnh vực, chương trình, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu.

d. Giải pháp về tăng cường năng lực và sự tham gia của các bên liên quan

Xây dựng cơ chế đối thoại, trao đổi thông tin; Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên nước nhằm nâng cao nhận thức của nhân dân về khai thác, sử dụng, bảo vệ và phát triển nguồn nước. Tăng cường quản lý giám sát chặt chẽ và ngăn chặn việc đổ rác thải xây dựng, bùn thải dọc trên bờ sông.

đ. Giải pháp về phát triển nguồn nước

- Đánh giá chi tiết tiềm năng trữ lượng có thể khai thác nước trên địa bàn tỉnh, làm cơ sở hoạch định giải pháp tạo nguồn bổ sung, xây dựng kế hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng hợp lý có hiệu quả phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

- Xây dựng chương trình giám sát và báo cáo về tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng đề án kiểm kê tài nguyên nước và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh phục vụ việc quản lý tài nguyên nước.

e. Giải pháp về bảo vệ, cải tạo và phục hồi môi trường nước

- Nghiên cứu xây dựng mạng quan trắc, giám sát tự động quá trình khai thác sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh. Tăng cường bảo vệ môi trường nước các khu đô thị, khu công nghiệp tập trung. Xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- Khoanh định hành lang bảo vệ nguồn nước và thực hiện cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định; Xây dựng vùng bảo hộ vệ sinh, vùng cấm, hạn chế khai thác và các khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất.

g. Giải pháp về phát triển khoa học và công nghệ

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học – kỹ thuật và chuyển giao công nghệ về bảo vệ, khai thác, sử dụng tiết kiệm tài nguyên nước; các giải pháp phòng, chống tác hại do nước gây ra; công nghệ xử lý nước thải; xây dựng và hoàn thiện mô hình quản lý tổng hợp lưu vực sông.

- Tăng cường ứng dụng các thiết bị quan trắc, giám sát số lượng và chất lượng nước trên các sông, khôi phục nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt, phòng, chống, khắc phục hậu quả do nước gây ra.

- Áp dụng công nghệ sử dụng nước tiết kiệm và phát sinh ít nước thải; Ứng dụng công nghệ xử lý nước thải hiện đại; sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước và nâng cao hiệu suất sử dụng nước.

h. Giải pháp phòng, chống hậu quả tác hại do nước gây ra

- Xây dựng, hoàn thiện và vận hành đúng quy trình các công trình phát triển nguồn nước và khai thác, sử dụng nước;

- Cải thiện, nâng cấp, mở rộng các công trình hồ chứa, công trình thoát lũ chưa phù hợp đảm bảo hạn chế, giảm thiểu suy thoái tài nguyên nước, phòng chống tác hại do nước gây ra trong điều kiện biến đổi khí hậu toàn cầu;

- Bố trí, sắp xếp dân cư, xây dựng kế hoạch di dời các hộ dân trong vùng có nguy cơ cao về sạt lở bờ sông, sụt lún đất;

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động xây dựng tại các vùng có nguy cơ cao chịu ảnh hưởng của thiên tai do nước gây ra;

- Kiểm soát tình trạng khai thác, sử dụng nước dưới đất tại các khu vực có nguy cơ sụt, lún nền đất.

5. Kinh phí thực hiện quy hoạch

a. Kinh phí thực hiện: 88 tỷ đồng.

b. Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước, huy động nguồn vốn xã hội hóa dưới nhiều hình thức khác nhau.

c. Hình thức đầu tư: Hợp tác công - tư, hoặc lồng ghép với các chương trình, dự án của Trung ương, tổ chức quốc tế, quy hoạch ngành, lĩnh vực, chương trình, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu.

d. Danh mục nhiệm vụ: 10 nhiệm vụ (có Phụ lục kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành chức năng liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố phổ biến nội dung Quy hoạch này đến các cấp, các ngành, các tổ chức liên quan.

- Tổ chức, quản lý, kiểm tra và hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khai thác sử dụng và xả thải vào nguồn nước thực hiện các nội dung Quy hoạch này.

- Chủ trì và phối hợp với các Sở, ngành, huyện, thị xã, thành phố liên quan thực hiện các danh mục nhiệm vụ ưu tiên trong Quy hoạch này.

- Định kỳ hàng năm, 5 năm, tổng kết, đánh giá và báo cáo Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh về tình hình thực hiện Quy hoạch này.

- Nghiên cứu, tham mưu cho các cấp có thẩm quyền bổ sung, điều chỉnh một số nội dung của Quy hoạch, cũng như các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch bảo vệ tài nguyên nước nhằm phù hợp, thích ứng với điều kiện phát triển đột biến hoặc những biến cố không thể dự báo trong tương lai.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và các đơn vị liên quan tích hợp các nội dung quy hoạch tài nguyên nước vào chiến lược, chương trình kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương;

- Phối hợp với Sở Tài chính phân bổ các nguồn vốn, điều phối kinh phí cho các chương trình, nhiệm vụ liên quan đến quy hoạch tài nguyên nước.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở tài nguyên và Môi trường cân đối và huy động mọi nguồn lực bao gồm xã hội hóa, các nguồn vốn khác để thực hiện có hiệu quả các nội dung của Quy hoạch.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Rà soát, điều chỉnh quy hoạch thủy lợi, quy hoạch cấp nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn; Xây dựng, hoàn thiện và vận hành đúng các công trình thủy lợi;

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước có liên quan đến việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, xử lý chất thải nông nghiệp và giải pháp bảo vệ, phát triển rừng đầu nguồn.

5. Các Sở, ngành chức năng

Căn cứ chức năng và nhiệm vụ, các Sở, ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc triển khai Quy hoạch vào thực tế; lồng ghép các nội dung của Quy hoạch vào các quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển của Sở, ngành trên địa bàn tỉnh.

6. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ chức năng và nhiệm vụ, điều kiện cụ thể ở mỗi địa phương, các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Quy hoạch này trên địa bàn quản lý;

- Căn cứ nội dung của Quy hoạch này, các huyện, thị xã, thành phố cần cụ thể hóa các mục tiêu và thực hiện các chương trình, nhiệm vụ trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm và hàng năm trên địa bàn quản lý;

- Định kỳ hàng năm, các huyện, thị xã, thành phố báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư về kết quả thực hiện Quy hoạch trên địa bàn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/02/2018.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Cục kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TT HĐND tỉnh, UBNDTTQ tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- CVP, các PVP;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- NCTH;
- Lưu: VT, KT4(02b)_(Đ-110b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Công Thủy

PHỤ LỤC

Các nhiệm vụ ưu tiên và phân kỳ thực hiện

(Kèm theo Quyết định số /2018/QĐ-UBND ngày tháng 02 năm 2018 của UBND tỉnh Phú Thọ)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Khái toán kinh phí (triệu đồng)
I	Giai đoạn đến năm 2020					20.000
1	Tuyên truyền, cập nhật pháp luật về tài nguyên nước	2018-2020	NSNN	Sở TN&MT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	1.000
2	Xây dựng hoàn thiện mạng quan trắc, giám sát khai thác sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước tỉnh Phú Thọ phục vụ quản lý tổng hợp tài nguyên nước.	2018-2020	NSNN	Sở TN&MT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	9.000
3	Kiểm kê tài nguyên nước tỉnh Phú Thọ	2018-2020	NSNN	Sở TN&MT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	10.000
II	Giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030					68.000
1	Xây dựng hành lang bảo vệ nguồn nước và thực hiện cấm mốc hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	2020-2025	NSNN	Sở TN&MT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	10.000
2	Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước tỉnh Phú Thọ và đề xuất các giải pháp bảo vệ tài nguyên nước trong bối cảnh biến đổi khí hậu	2020-2025	NSNN	Sở TN&MT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	10.000
3	Điều tra, đánh giá thực trạng về trữ lượng, chất lượng tài nguyên nước dưới đất tại các giếng khoan, lập kế hoạch khai thác sử dụng nước dưới đất tại các giếng khoan trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	2020-2025	NSNN	Sở TN&MT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	10.000
4	Điều tra, đánh giá khả năng	2020-2030	NSNN	Sở	UBND	8.000

STT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Khái toán kinh phí (triệu đồng)
	tiếp nhận nguồn nước thải các sông chính trên địa bàn tỉnh Phú Thọ			TN&MT	các huyện, thị xã, thành phố	
5	Điều tra, đánh giá xác định vùng cấm, hạn chế và các khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất nhằm bảo vệ tài nguyên nước dưới đất khỏi nguy cơ ô nhiễm, suy thoái và cạn kiệt nước dưới đất	2025-2030	NSNN	Sở TN&MT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	10.000
6	Xây dựng các đới phòng hộ vệ sinh cho các công trình đang khai thác nước dưới đất; Trám lấp các giếng khoan không sử dụng.	2025-2030	NSNN	Sở TN&MT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	5.000
7	Điều tra, đánh giá tài nguyên nước phục vụ xây dựng công trình cấp nước trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	2025-2030	NSNN, NVXHH	Sở TN&MT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	15.000
	Tổng					88.000